

Vận dụng dạy học vi mô để phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học

Võ Thị Ngọc Trâm

Email: tramvtn@tdmu.edu.vn
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Số 06, Trần Văn Ôn, Thủ Dầu Một,
tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TÓM TẮT: Dạy học vi mô là phương pháp quan trọng để chuẩn bị cho giáo viên tương lai vượt qua những thách thức trong môi trường lớp học trong thực tiễn, nâng cao sự hiểu biết về các nội dung dạy học. Bài viết trình bày nghiên cứu ứng dụng dạy học vi mô để phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên trong học phần Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội. Mẫu nghiên cứu gồm 42 sinh viên năm thứ ba đang theo học tại ngành Giáo dục tiểu học, khoa Sư phạm của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Sinh viên tự chuẩn bị các kế hoạch bài dạy sau đó thực hành tập giảng, ghi hình, xem video và phân tích. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định, dạy học vi mô là phương pháp hiệu quả để cải thiện nhận thức của sinh viên trong dạy học Lịch sử và Địa lí, chất lượng và số lượng các thành phần của năng lực dạy học đều tăng lên so với trước khi can thiệp; các giáo viên tiểu học tương lai đáp ứng tốt một số kì vọng về khả năng dạy học trong quá trình thực hành dạy học vi mô môn Lịch sử và Địa lí. Ngoài ra, căn cứ trên kết quả thực nghiệm, nghiên cứu cũng phân tích, đánh giá tác động của dạy học vi mô đến từng phần của năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

TỪ KHÓA: Dạy học vi mô, môn Lịch sử và Địa lí, năng lực dạy học, kế hoạch bài dạy, sinh viên.

→ Nhận bài 02/3/2024 → Nhận bài đã chỉnh sửa 25/4/2024 → Duyệt đăng 15/5/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410508>

1. Đặt vấn đề

Các hoạt động trong chương trình đào tạo giáo viên giúp sinh viên áp dụng lí thuyết vào thực tiễn và phát triển năng lực dạy học [1]. Do đó, các khoá học thực hành giảng dạy và trải nghiệm đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cho giáo viên tương lai vào nghề [2]. Dạy học vi mô là một trong những phương pháp dạy học cho phép sinh viên gắn kết học với hành, đồng thời nhận ra những lỗi thiếu sót của mình và khuyến khích họ chịu trách nhiệm trong học tập và tự đánh giá [3].

Dạy học vi mô lần đầu được giới thiệu trên thế giới vào năm 1953 tại Trường Đại học Stanford [4],[5], là một trong những phương pháp hỗ trợ đào tạo giáo viên, mang lại hiệu quả cao trên cơ sở thực hành [4]. Dạy học vi mô giúp việc học tập trở nên chủ động và tích cực hơn [6], tạo ra sự thay đổi rõ ràng về vai trò, nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên trong lớp học [7]. Nó góp phần giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho nghề nghiệp và trở thành người học tập suốt đời [8].

Vai trò của người học trong các lớp học vi mô thay đổi liên tục giữa các nhiệm vụ giáo viên, học sinh và người quan sát, với trách nhiệm đi kèm là giảng dạy, đưa ra nhận xét và chấp nhận phản hồi về kết quả thực hành. Do đó, hoạt động giảng dạy vi mô giúp sinh viên phát triển khả năng tư duy biện luận, tiếp nhận công

việc dạy học của bản thân và đưa ra phản hồi cho các bạn một cách nghiêm túc [9], cải thiện một cách hiệu quả kĩ năng thuyết trình, đánh giá, đồng thời hoàn thiện bản thân sau những phản hồi của người khác [10].

Theo các nhà nghiên cứu, dạy học vi mô có thể giúp giảng viên tập trung đánh giá được các hành vi, biểu hiện cụ thể của người học trong quá trình thực hành. Sinh viên chuẩn bị kế hoạch bài dạy, tập giảng với các bạn trong khoảng 5-15 phút và được ghi hình lại, sau đó cả lớp xem video và tham gia vào việc đánh giá quá trình giảng dạy [11], quá trình đó sẽ tiếp diễn đến khi nhận được kết quả như mong muốn [12].

Ở Việt Nam, dạy học vi mô được sử dụng rộng rãi ở các cơ sở đào tạo giáo viên [13],[14],[15],[16]. Việc phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên cũng có những nét đặc thù bởi vì đây là môn học mang tính tích hợp cao giữa hai nội dung lịch sử và địa lí, được xây dựng thành các chủ đề [17]. Do vậy, việc rèn luyện và phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí thông qua dạy học vi mô sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn đặc trưng của môn học, đồng thời rèn luyện các năng lực thành phần quan trọng, đặc biệt năng lực vận dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học.

Nghiên cứu này tiếp tục phát triển quy trình và các giải pháp vận dụng dạy học vi mô nhằm phát triển năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên,

nâng cao hiệu quả đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học thông qua việc ứng dụng và cải tiến phương pháp dạy học vi mô trong giảng dạy học phần Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội tại Trường Đại học Thủ Dầu Một nhằm trả lời câu hỏi: Dạy học vi mô tác động như thế nào đến năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí của sinh viên?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

- *Thiết kế thực nghiệm*: Nghiên cứu được thực hiện trên 42 sinh viên năm thứ ba, khoa Sư phạm ngành Giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Những sinh viên này có đủ điều kiện tham gia học phần Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội. Học phần này gồm 4 tín chỉ, tương đương 30 giờ lý thuyết, 60 giờ thực hành và 90 giờ tự học.

Trong bài viết này, nghiên cứu tìm hiểu tác động của dạy học vi mô đến năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Năng lực này bao gồm 08 chỉ báo: (C1) Phân tích được các phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí, (C2) Lựa chọn được các phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng của môn Lịch sử và Địa lí, (C3) Lựa chọn được các kỹ thuật dạy học phù hợp, (C4) Linh hoạt vận dụng các phương pháp, kỹ thuật trong tổ chức hoạt động dạy học môn Lịch sử và Địa lí, (C5) Phối hợp được các phương pháp, kỹ thuật dạy học, (C6) Đánh giá được việc sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, (C7) Chủ động đổi mới phương pháp dạy học, (C8) Chia sẻ việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học.

Trước khi áp dụng dạy học vi mô, nghiên cứu tiến hành kiểm tra nhóm đối tượng về từng chỉ báo trong năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học cần đánh giá; sau đó tiến hành thực nghiệm theo kế hoạch, quy trình học tập đã thiết kế. Kết quả này được tính thông qua việc so sánh các bài kiểm tra trước và sau thực nghiệm để kết luận về mức độ phát triển. Trong quá trình thực nghiệm, sinh viên được yêu cầu “Thiết kế kế hoạch bài dạy môn Lịch sử và Địa lí” (Sách giáo khoa, chủ đề/bài học tự chọn) nhằm đánh giá ban đầu về năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Sau khi vận dụng dạy học vi mô theo quy trình, sinh viên được làm lại bài kiểm tra trên và quay lại video tổ chức dạy học nhằm đánh giá và so sánh hiệu quả của sự phát triển năng lực này cho sinh viên trước tác động và sau tác động.

- *Thang đo thực nghiệm*: Để đánh giá năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí, nghiên cứu sử dụng thang đo 5 mức độ từ cao đến thấp, bao gồm rất cao, cao, trung bình, thấp và rất thấp. Trong đó Rất cao = 5 (Phối hợp, vận dụng linh

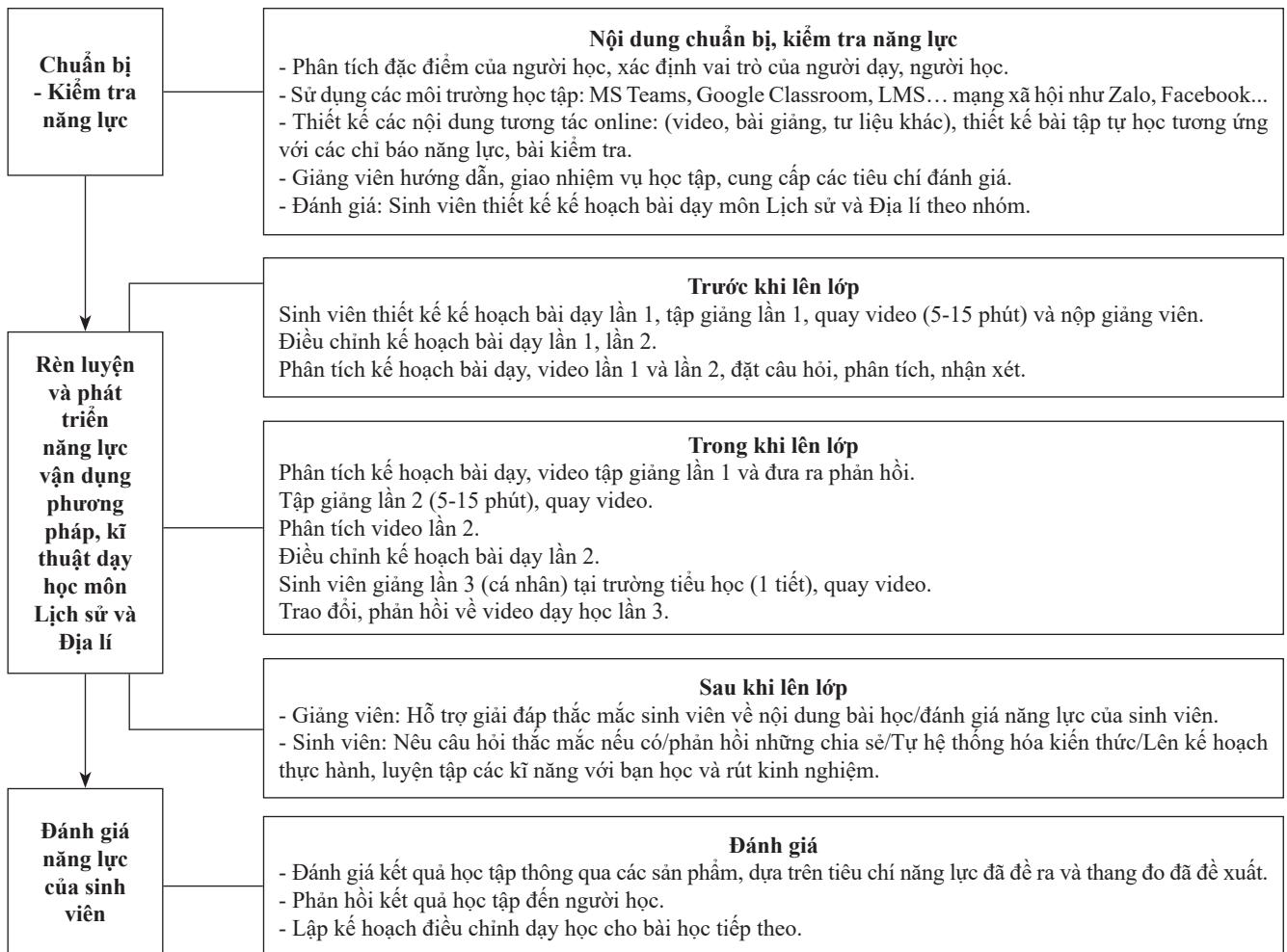
hoạt phương pháp, kỹ thuật dạy học, có khả năng đánh giá, chia sẻ thông tin), cao = 4 (Thực hiện logic, phù hợp quy trình áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, xử lý được tình huống thực tế), trung bình = 3 (Thực hiện logic các bước trong quy trình áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, thay đổi phù hợp với thực tế), thấp = 2 (Bắt đầu thực hiện được việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, tuy nhiên còn hạn chế và cần sự hướng dẫn của giảng viên) và rất thấp = 1 (Chưa thực hiện được đầy đủ các bước trong quy trình áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, cần sự trợ giúp của giảng viên).

2.2. Quy trình tổ chức vận dụng dạy học vi mô phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử và Địa lí

Quy trình phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí được thiết kế theo quy trình của dạy học vi mô. Tuy nhiên, có cải tiến điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế giảng dạy tại Trường Đại học Thủ Dầu Một bao gồm 03 bước: 1) Chuẩn bị - kiểm tra năng lực sinh viên trước tác động; 2) Rèn luyện và phát triển năng lực sinh viên; 3) Đánh giá năng lực sau tác động (xem Hình 1).

Trong quá trình vận dụng dạy học vi mô, giảng viên hướng dẫn và phân tích nhiệm vụ học tập cho sinh viên, cung cấp tài liệu học tập và rubric đánh giá hoạt động của người học như rubric đánh giá kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá việc tổ chức hoạt động dạy học; đồng thời quan sát, hỗ trợ sinh viên khi cần thiết. Sinh viên tự học thông qua giáo trình, tài liệu giảng viên cung cấp cũng như nghiên cứu kiến thức về lịch sử và địa lí để hiểu rõ phương pháp, kỹ thuật, phương tiện, đánh giá... trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Sinh viên nghiên cứu trước và hoàn thành nhiệm vụ ở nhà, thiết kế kế hoạch bài dạy, xác định các hoạt động dạy học, dự kiến những tình huống sư phạm có thể xảy ra. Sau đó, sinh viên tập giảng, quay video và phân tích, đánh giá các video. Quá trình này được lặp lại 3 lần nhằm giúp sinh viên rút kinh nghiệm dạy học. Mỗi buổi học trên lớp, giảng viên tạo ra môi trường năng động để mỗi sinh viên đều được bày tỏ quan điểm của mình về phần dạy của bạn.

Điểm đổi mới trong áp dụng dạy học vi mô đối với lớp thực nghiệm này đó là ngoài việc sinh viên được thực hành mô phỏng ở trường đại học (tập giảng trước nhóm, trước lớp, quay video), người học còn thực hành giảng dạy lần 3 ngoài thực tế tại trường tiểu học. Các tiết học này cũng được quay video để phân tích, đánh giá và rút kinh nghiệm. Ngoài ra, nghiên cứu kết hợp dạy học vi mô với lớp học đảo ngược nhằm tiết kiệm thời gian và làm tăng hiệu quả của dạy học vi mô.



Hình 1: Quy trình tổ chức vận dụng dạy học vi mô phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí

2.3. Kết quả nghiên cứu

Sinh viên có sự chuyển biến đáng kể trong lớp học vi mô. Trước khi tác động, sinh viên được đánh giá là đạt năng lực thấp, chỉ mới bắt đầu thực hiện được việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, tuy nhiên còn hạn chế và cần sự hướng dẫn của giảng viên (M = 2.21). Sau khi tác động, sinh viên đã phát triển ở mức năng lực cao, thực hiện logic, phù hợp quy trình áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, xử lý được tình huống thực tế (M = 4.17). Trong đó, một số sinh viên đã đạt được mức năng lực rất cao (xem Bảng 1).

Bảng 1: Điểm trung bình trước và sau khi tác động

Nhóm	Thời điểm	N	Mean
Nhóm thực nghiệm	Trước tác động	42	2.21
	Sau tác động		4.17

Kết quả kiểm tra cho thấy, sinh viên có sự tiến bộ ở tất cả các chỉ báo của thành phần năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

Hình 2 thể hiện rõ sự phát triển điểm trung bình của tất cả các chỉ báo năng lực tại thời điểm trước tác động và sau tác động. Các điểm trên đường năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học sau tác động đều tăng, mặc dù chỉ triển khai trong thời gian ngắn trên lớp. Trong Bảng 2, chỉ báo C7 và C8 có sự phát triển vượt trội, tăng tương ứng là 2.07 và 2.12. Sinh viên tự tin hơn, có thể chủ động thực hiện đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và sẵn sàng trao đổi, chia sẻ với giảng viên và các bạn khác trong lớp về việc vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học. Điều này cũng dễ hiểu vì lớp học áp dụng dạy học vi mô, sinh viên được trao đổi, phản biện, chia sẻ và rút kinh nghiệm liên tục trong quá trình tập giảng và góp ý nhận xét thông qua các video ngắn được ghi hình lại. Các chỉ báo còn lại cũng có sự phát triển cao, dao động từ 1.88 đến 1.98. Sinh viên đều phát triển từ mức năng lực thấp sang mức năng lực cao ở tất cả các chỉ báo của năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học. Người học đã thực hiện logic, phù hợp quy trình áp dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, xử lý được tình huống thực tế trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

Trong Hình 2, chỉ báo C2 tăng thấp nhất, sinh viên vẫn còn gặp số khó khăn trong việc lựa chọn được các phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng của môn Lịch sử và Địa lí. Điều này cũng dễ hiểu vì Lịch sử và

Bảng 2: Sự khác biệt giữa trước và sau tác động

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TC1	2.2381	42	.43108	.06652
	SC1	4.1190	42	.32777	.05058
Pair 2	TC2	2.3095	42	.46790	.07220
	SC2	4.1190	42	.32777	.05058
Pair 3	TC3	2.2381	42	.43108	.06652
	SC3	4.1190	42	.32777	.05058
Pair 4	TC4	2.2143	42	.41530	.06408
	SC4	4.1190	42	.32777	.05058
Pair 5	TC5	2.0952	42	.29710	.04584
	SC5	4.0714	42	.26066	.04022
Pair 6	TC6	2.2381	42	.43108	.06652
	SC6	4.1667	42	.37720	.05820
Pair 7	TC7	2.1667	42	.37720	.05820
	SC7	4.2857	42	.45723	.07055
Pair 8	TC8	2.2619	42	.44500	.06867
	SC8	4.3333	42	.47712	.07362

(Ghi chú:

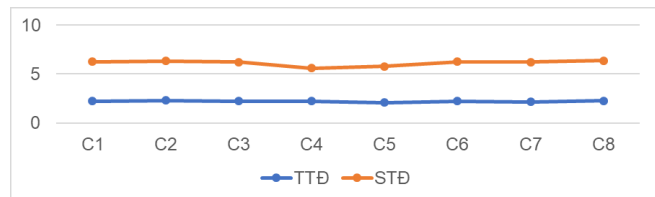
- TC1, TC2, TC3, TC4, TC5, TC6, TC7, TC8 là các chỉ báo của năng lực thành phần vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí trước tác động.

- SC1, SC2, SC3, SC4, SC5, SC6, SC7, SC8 là các chỉ báo của năng lực thành phần vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí sau tác động.)

Bảng 3: Giá trị phép kiểm định t-gộp cặp theo từng chỉ báo của thành phần năng lực

	Paired Differences	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference		df	Sig. (2-tailed)
					Lower	Upper		
					Pair 1	TC1 - SC1		
Pair 2	TC2 - SC2	-1.80952	.63392	.09782	-2.00707	-1.61198	41	.000
Pair 3	TC3 - SC3	-1.88095	.55005	.08487	-2.05236	-1.70954	41	.000
Pair 4	TC4 - SC4	-1.90476	.57634	.08893	-2.08436	-1.72516	41	.000
Pair 5	TC5 - SC5	-1.97619	.41249	.06365	-2.10473	-1.84765	41	.000
Pair 6	TC6 - SC6	-1.92857	.55843	.08617	-2.10259	-1.75455	41	.000
Pair 7	TC7 - SC7	-2.11905	.55005	.08487	-2.29046	-1.94764	41	.000
Pair 8	TC8 - SC8	-2.07143	.67690	.10445	-2.28236	-1.86049	41	.000

Địa lí là môn học tích hợp giữa hai nội dung Địa lí và Lịch sử, để tìm kiếm được phương pháp dạy học phù hợp không phải là điều dễ dàng. Nhìn chung, sinh viên đã phát triển tốt năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học. Các em đã thay đổi từ mức năng lực thấp sang mức năng lực cao, nếu có thêm nhiều thời gian rèn luyện, đặc biệt được thực hành trong môi trường thực tế nhiều hơn thì năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí chắc chắn sẽ được nâng cao hơn nữa (xem Bảng 2).



Hình 2: Năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học trong môn Lịch sử và Địa lí

Kết quả ghép kiểm định t-gộp cặp theo từng tiêu chí trong Bảng 3 cho thấy giá trị p t-test đều nhỏ hơn 0.05 cho tất cả 08 chỉ báo với độ tin cậy 95%. Điều này cho thấy sự phát triển năng lực của sinh viên là do tác động của dạy học vì mô mang lại không phải xảy ra ngẫu nhiên.

Qua thực nghiệm, lớp học vi mô đã khẳng định được hiệu quả tích cực trong việc phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Kết quả này khẳng định lại các nghiên cứu trước đó của Desti Atria và Masduki Masduki [18], Hà Văn Thắng [13], Phan Đức Duy và Trần Thị Thanh Mai [19] khi họ cho rằng, vận dụng dạy học vi mô giúp thành tích học tập của sinh viên được cải thiện đáng kể. Điều này có thể xuất phát từ đặc điểm của dạy học vi mô khác với các phương pháp dạy học khác. Dạy học vi mô

giúp sinh viên tích cực tự học, học tập cùng nhau, phản biện lẫn nhau và cùng nhau tiến bộ. Trong lớp học, sinh viên có nhiều cơ hội thực hành, trao đổi với nhau hơn. Người học được tăng thời gian trải nghiệm, không chỉ thông qua lớp học mô phỏng ở trường đại học mà còn có cơ hội thực hành thực tế tại trường tiểu học. Đồng thời, thông qua việc phân tích các video tiết dạy, sinh viên tự rút kinh nghiệm cho bản thân, từ đó có kế hoạch điều chỉnh, rèn luyện và phát triển năng lực dạy học.

2.4. Một số vấn đề rút ra từ kết quả nghiên cứu dạy học vi mô

Dạy học vi mô là một phương pháp quan trọng để sinh viên có thể nắm bắt được nghề dạy học [20]. Trong quá trình rèn luyện và phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí, sinh viên đã bắt đầu với mức năng lực thấp. Tuy nhiên, sau thời gian tác động, toàn bộ sinh viên đã tiến bộ và đạt được mức năng lực cao hơn. Qua đó, có thể thấy rằng, dạy học vi mô là phương pháp hiệu quả trong đào tạo giáo viên nói chung và giáo viên tiểu học nói riêng.

Thứ nhất, nghiên cứu này tiếp tục khẳng định dạy học vi mô giúp sinh viên rèn luyện và phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Sinh viên có thể tự thiết kế và tổ chức bài dạy Lịch sử và Địa lí một cách sáng tạo, thoát khỏi sự rập khuôn trong quy trình dạy học của các phương pháp, kỹ thuật dạy học và vận dụng, phối hợp linh hoạt được các phương pháp, kỹ thuật. Việc xem video của chính mình và video của bạn bè giúp các em thấy được rằng, mình đúng hay sai và sẽ đóng góp nhiều cho bài học của các em sau này. Điều này thể hiện rất rõ qua việc các chỉ báo của năng lực này đều có sự thay đổi khác biệt giữa trước tác động và sau tác động.

Thứ hai, dạy học vi mô đã được chứng minh là nâng cao đáng kể sự tự tin vào năng lực dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho sinh viên. Sinh viên chủ động đổi mới phương pháp dạy học và sẵn sàng chia sẻ việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học với người khác. Đây cũng là hai chỉ báo có sự thay đổi lớn nhất trong các chỉ báo của năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học (tương ứng là từ 2.1667 tăng lên 4.0714, 2.2619 tăng lên 4.0952). Dạy học vi mô đã cải thiện sự tự tin của các giáo viên tương lai về việc dạy học so với thời điểm trước tác động.

Thứ ba, dạy học vi mô giúp thu hẹp khoảng cách giữa lí thuyết và thực hành, đồng thời phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác giữa các sinh viên, giúp các em điều phối các hoạt động thảo luận, góp ý, chia sẻ trong mỗi lần cùng nhau phân tích video và điều chỉnh kế hoạch bài dạy. Dạy học vi mô đã giúp sinh viên cải thiện khả năng giao tiếp bằng lời khi các em đưa ra nhận xét cho bạn. Trước khi tác động, chỉ báo C8 (Chia sẻ việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học) là

2.2619 nhưng dưới tác động của lớp học vi mô, chỉ báo C8 đã tăng lên 4.0952, tăng hơn 1.83. Đây cũng là một năng lực quan trọng trong việc dạy học của sinh viên sau này.

Thứ tư, dạy học vi mô hỗ trợ sinh viên nhận ra điểm hạn chế trong việc thiết kế bài dạy môn Lịch sử và Địa lí. Thông qua mỗi lần phân tích video, sinh viên hiểu rõ hơn việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật mà bản thân sử dụng trong mỗi bài học. Vì vậy, sinh viên sẽ tích cực cải tiến kế hoạch bài dạy, lựa chọn phối hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực của mỗi học sinh khi tham gia học tập.

Thứ năm, dạy học vi mô bên cạnh những điểm mạnh cũng có một số hạn chế như:

Việc phân bổ thời gian và thiếu người giám sát hoạt động của người học được xem là một trong những rào cản, ảnh hưởng đến chất lượng của việc thiết kế và tổ chức dạy học. Việc tìm thời gian cho ngay vòng dạy đầu tiên cũng là một thách thức. Những trở ngại này không chỉ riêng đối với việc dạy học môn Lịch sử và Địa lí mà các môn học khác cũng giống như trong các nghiên cứu của Koech & Mwei (2019) [21], Reddy (2019) [22], Angel Mukuka & Jogymol Kalariparampil Alex (2024) cũng đã đề cập đến.

Trong quá trình thực nghiệm, nghiên cứu cũng nhận thấy một số sinh viên gặp khó khăn, lo sợ bị khiển trách và bị ghi hình. Các em thiếu tự nhiên khi nhìn thấy thiết bị ghi hình. Một số sinh viên không nhớ nội dung dạy học đã được chuẩn bị. Điều này khiến một số bạn mất tập trung trong việc tổ chức dạy học và dẫn đến chất lượng tiết học giảm sút hơn.

Do hạn chế về cơ sở vật chất, không có camera để ghi hình. Sinh viên thường sử dụng điện thoại để quay lại các hoạt động dạy học. Tuy nhiên, do điều kiện thiết bị của mỗi nhóm, mỗi sinh viên khác nhau nên thường chất lượng video được ghi lại không được đảm bảo, hình ảnh không được rõ nét và lẫn nhiều tạp âm. Do vậy, sinh viên cũng mất một lượng thời gian nhất định để chỉnh sửa lại các video đã quay.

Vì vậy, để dạy học vi mô đạt được hiệu quả như mong đợi, giảng viên cần phải thay đổi cách thức tổ chức lớp học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phối hợp với các phương pháp dạy học khác như lớp học đảo ngược và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong dạy học để đảm bảo toàn bộ thời gian trên lớp phục vụ cho việc phân tích video, trao đổi và rút kinh nghiệm. Ngoài ra, giảng viên nên chia lớp thành các nhóm nhỏ, đồng thời giao các nhiệm vụ học tập rõ ràng, có sự hướng dẫn chi tiết để các nhóm có thể tự học, tự quản.

Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục cần phối hợp chặt chẽ với các trường tiểu học, giúp sinh viên có cơ hội được trải nghiệm sớm với nghề nghiệp. Thực hiện giảng dạy

vi mô trong môi trường lớp học thực tế không chỉ làm tăng hiệu quả của phương pháp mà còn giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm. Đó cũng là cách hữu ích để giáo viên tương lai thích ứng với công việc dạy học, giúp họ nhận ra được khả năng của bản thân.

Đồng thời, sau mỗi buổi học vi mô, giảng viên nên cho sinh viên có cơ hội đánh giá điểm mạnh, hạn chế của mình và lập kế hoạch cải thiện những hạn chế. Giảng viên phải dành thời gian để đánh giá một cách chi tiết kế hoạch cá nhân cũng như các kế hoạch bài dạy đã được điều chỉnh sau mỗi lần rút kinh nghiệm nhằm nắm bắt được sự thay đổi của người học và kịp thời đề ra phương hướng hỗ trợ các em.

Ngoài ra, giảng viên nên cung cấp lộ trình cụ thể của học phần, những việc sinh viên làm trên lớp, những việc sinh viên phải tự nghiên cứu và thực hiện trước và sau khi lên lớp. Các lớp học vi mô cần có đủ thời gian để người học suy ngẫm, tự thực hiện nhiệm vụ trước khi lên lớp, chỉnh sửa các sản phẩm từ kế hoạch bài dạy đến các video ghi hình. Giảng viên cần cho sinh viên đủ thời gian để hoàn thành các nhiệm vụ và “tiêu hoá” được các kiến thức, kinh nghiệm tích lũy được thông qua mỗi hoạt động.

Mặc dù kết quả đạt được chưa cao, nhưng trong một thời gian tác động ngắn, kết quả mà sinh viên đạt được rất đáng ghi nhận. Nếu áp dụng dạy học vi mô trong suốt quá trình giảng dạy học phần Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội nói riêng cũng như các học phần phương pháp khác nói chung, sinh viên sẽ dần hoàn thiện hơn năng lực dạy học của họ. Đây là mô hình lớp học hiệu quả cần nghiên cứu nhiều hơn trong thời gian tới, nhằm thúc đẩy đổi mới giáo dục bậc Đại học.

3. Kết luận

Dạy học vi mô là một phương pháp quan trọng để nâng cao năng lực dạy học, đặc biệt năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí. Dạy học vi mô giúp tập trung vào phát triển chuyên môn của sinh viên. Dạy học vi mô sẽ phát huy hiệu quả nhiều hơn khi sử dụng trong môi trường lớp học thực tế vì nó cho phép giáo viên tương lai kết nối được với giáo viên tiểu học có nhiều kinh nghiệm, giảng viên, bạn bè và đặc biệt là đối tượng dạy học cụ thể đó là học sinh. Để dạy học vi mô mang lại nhiều kết quả hơn trong phát triển năng lực vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí, giảng viên cần tăng cường công nghệ thông tin và truyền thông kết hợp với mô hình lớp học đảo ngược để tiết kiệm thời gian trong quá trình giảng dạy, sinh viên có cơ hội được thực hành, trao đổi và chia sẻ nhiều hơn ở trên lớp học. Giảng viên cần từng bước giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người học trong suốt quá trình lớp học vi mô diễn ra và tư vấn họ vượt qua những “lo âu”, những “áp lực” trong quá trình học tập khi thực hiện chuỗi các nhiệm vụ liên tục. Ngoài ra, cần ưu tiên xây dựng chương trình học phù hợp để dạy học vi mô, các nội dung dạy học, tiến trình học tập, nhiệm vụ thực hành và nhiệm vụ tự học, công cụ đánh giá cần phải được xây dựng rõ ràng. Xuyên suốt quá trình dạy học vi mô, giảng viên và sinh viên cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của bản thân, phải tạo ra môi trường học tập tích cực, dân chủ; sinh viên nào cũng được chia sẻ, được phản hồi về tất cả các hoạt động.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bayat, Seher và Öztürk, Talip, (2017), *İlkokuma yazma öğretimi dersinde mikro öğretim uygulaması örneği*, Bayburt Eğitim Fakültesi Dergisi, 12(23), tr. 339-351.
- [2] Kuran, Kezban, (2009), *Mikro Öğretimin Öğretmenlik Meslek Bilgi ve Becerilerinin Kazanılmasına Etkisi/ The Effect of Micro Teaching on Teachers' Gaining of Knowledge and Skills*, Mustafa Kemal Üniversitesi Sosyal Bilimler Enstitüsü Dergisi. 6(11), tr. 383-400.
- [3] Kpanja, Edward, (2001), *A study of the effects of video tape recording in microteaching training*, British Journal of Educational Technology. 32(4), tr. 483-486.
- [4] Allen, Dwight W, (1967), *Micro-teaching, a description*.
- [5] Baird, J, (1967), *Micro-teaching at brigham young university*.
- [6] Benton-Kupper, Jodi, (2001), *The microteaching experience: Student perspectives*, Education, 121(4).
- [7] El-ahwal, Marwa, (2020), *Effect of Micro-Teaching Method Supported by E-Learning Platforms in Enriching Pre-service Mathematics Teachers' Teaching Practice s and Improve Self-efficacy*, International Journal of Instructional Technology Educational Studies, 1(3), tr. 18-31.
- [8] Arslan, Ayten, (2021), *Öğretmen adaylarının mikro öğretimle “öğretmenlik” yolculuğu: Bir karma desen araştırması*, Education and Science, 46(207).
- [9] Saraçoğlu, Gülçin, GÜRİŞİK, Alper và Furat, Dilek, (2018), *İngilizce Öğretmen Adaylarının Mikro-Öğretim Uygulamaları Sonrasında Yapılan Eleştiri ile İlgili Görüşleri*, Türk Eğitim Bilimleri Dergisi, 16(1), tr. 58-76.
- [10] Semerci, Nuriye, (2000), *Mikro Öğretim Dersinde Kritik Düşünmenin Eleştiri Becerisini Geliştirme Etkisi (FÜ Teknik Eğitim Fakültesi Örneği)*, Eğitim ve Bilim, 25(117).
- [11] Kroeger, Stephen D và các cộng sự, (2022), *Microteaching: An opportunity for meaningful professional development*, Teaching Exceptional Children, tr. 00400599211068372.
- [12] Alex, JK, Thomas, R và Okeke, C., Adu, EO, Mncanca, M., Ugwuanyi, C., Eds, (2023), *Introduction to microteaching*, Managing the Microteaching Process.
- [13] Hà Văn Thắng, (2021), *Vận dụng phương pháp dạy học*

- vi mô để phát triển năng lực giáo dục Địa lí cho sinh viên ngành Sư phạm Địa lí, Tạp chí Khoa học, 18(8), tr. 1415.
- [14] Trần Thu Hiền, (2020), *Vận dụng phương pháp dạy học vi mô trong việc rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, 29, tr. 42-47.
- [15] Nguyễn Mậu Đức, (2018), *Áp dụng phương pháp dạy học vi mô kết hợp với bài giảng E-Learning để rèn luyện một số kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Sư phạm Hóa học*, Khoa học giáo dục, 2, tr. 34-39.
- [16] Đào Thị Cẩm Nhung và Đào Thị Hồng Minh, (2019), *Ứng dụng phương pháp dạy học vi mô để rèn luyện một số kỹ năng dạy học cho sinh viên sư phạm của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*, 17, tr. 105-110.
- [17] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*.
- [18] Desti, Atria và Masduki, Masduki, (2023), *Mathematics pre-service teachers' beliefs in online microteaching course*, AIP Conference Proceedings, AIP Publishing.
- [19] Phan Đức Duy và Trương Thị Thanh Mai, (2018), *Quy trình vận dụng dạy học vi mô trong rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên ngành Sư phạm Sinh học*, Tạp chí Giáo dục, số 441.
- [20] Sithole, Nosihle Veronica, (2023), *The efficacy of microteaching in a teacher education programme during the lockdown at a university in South Africa*, International Journal of Learning, Teaching Educational researcher, 22(2), tr. 76-91.
- [21] Koech, Hellen C và Mwei, Philip K, (2019), *How secondary school mathematics teachers perceive the effectiveness of microteaching and teaching practice in their preservice education*, Humanities Social Sciences Letters, 7(1), tr. 46-55.
- [22] Reddy, KR, (2019), *Teaching how to teach: microteaching (a way to build up teaching skills)*, Journal of Gandaki Medical College-Nepal, 12(1), tr. 65-71.

APPLYING MICROTEACHING TO DEVELOP PRE-SERVICE PRIMARY TEACHERS' COMPETENCY IN TEACHING HISTORY AND GEOGRAPHY SUBJECTS

Vo Thi Ngoc Tram

Email: tramvtn@tdmu.edu.vn
Thu Dau Mot University
No.06 Tran Van On street, Thu Dau Mot district,
Binh Duong province, Vietnam

ABSTRACT: *Microteaching is a significant way to prepare pre-service teachers to overcome specific challenges in a real classroom context and enhances the conceptual understanding of the presenter on the related teaching topics. This article reports study results on applying microteaching to develop competency in teaching history and geography subjects in the Teaching the Discipline of Natural and Social Sciences lessons in primary school method courses. The research sample consisted of 42 junior students studying the Primary Education major at the Faculty of Pedagogy of Thu Dau Mot University. After preparing their lesson plans, the micro-teaching practices were video-recorded, watched, and analyzed. The study results provided evidence that microteaching is a fruitful way to improve their perceptions in teaching History and Geography lessons, the quality and quantity of component competency increased compared to before the treatment; prospective teachers satisfied several expectations of the approach during microteaching in History and Geography subjects. In addition, based on experimental results, the study also analyzed and evaluated its effectiveness on each component competency.*

KEYWORDS: *Microteaching, History and Geography subjects, teaching competency, lesson plan, students.*